CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

INPACT ASIA PACIFIC

Số: 07.15.315-CN/AISC-DN5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gởi : **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.**

Công ty Cổ Phần Đường Nước Trong

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường Nước Trong, được lập ngày 24 tháng 01 năm 2016, từ trang 04 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường Nước Trong tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 24 tháng 01 năm 2016

KIỂM TOÁN VIÊN	TỔNG GIÁM ĐỐC
LÊ THANH DUY	**PHẠM VĂN VINH**
Số giấy CNĐKHNKT: 1493-2013-05-1	*Số giấy CNĐKHNKT: 0112-2013-05-1*
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp	*Bộ Tài Chính Việt Nam cấp*

S.Đ.K.K.D: 0300513041 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

Branch in Ha Noi : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Pham Hung St, Cau Giay Dist, Ha Noi
Tel : (04) 3782 0045/46 /47 Fax : (04) 3782 0048 Email: aishn@hn.vnn.vn
Branch in Da Nang : 36 Ha Huy Tap St, Thanh Khe Dist, Da Nang
Tel : (0511) 371 5619 Fax : (0511) 371 5620 Email: aisckt@dng.vnn.vn
Representative in Can Tho : 48B/243/1A, 30/4 St., Ninh Kieu Dist, Can Tho City
Tel : (0710) 3813 004 Fax : (0710) 3828 765
Representative in Hai Phong : 18 Hoang Van Thu St, Hong Bang Dist, Hai Phong
Tel : (031) 3569 577 Fax : (031) 3569 576

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**123.049.537.193**	**133.394.704.545**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**36.899.927.922**	**20.600.166.080**
1. Tiền	111		16.899.927.922	1.600.166.080
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	19.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.2**	**-**	**8.000.000.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	8.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**70.971.135.141**	**63.318.675.015**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	146.532.000	914.670.200
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	67.334.145.197	46.277.119.964
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	10.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.524.441.944	5.898.020.531
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(33.984.000)	(271.135.680)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.7**	**14.238.440.473**	**40.910.110.495**
1. Hàng tồn kho	141		14.238.440.473	40.910.110.495
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**940.033.657**	**565.752.955**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	940.033.657	565.752.955
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**30.009.936.752**	**31.917.630.003**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**26.190.825.977**	**27.682.999.428**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	26.190.825.977	27.682.999.428
- Nguyên giá	*222*		*64.216.990.613*	*62.445.358.898*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(38.026.164.636)*	*(34.762.359.470)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	*225*		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	*228*		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**87.705.455**	**87.705.455**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		87.705.455	87.705.455
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.2**	**3.707.420.320**	**4.000.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.000.000.000	4.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(292.579.680)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**23.985.000**	**146.925.120**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	23.985.000	146.925.120
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**153.059.473.945**	**165.312.334.548**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 | *Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**41.017.030.733**	**43.996.924.377**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**32.515.590.733**	**38.114.569.377**
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.10	19.239.735.858	11.683.645.764
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	210.058.875	1.846.941.995
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2.261.944.615	462.666.697
4. Phải trả người lao động	314		6.700.211.339	7.344.169.518
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	22.500.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	3.910.769.915	2.648.072.294
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	-	13.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		192.870.131	1.106.573.109
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**8.501.440.000**	**5.882.355.000**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	8.501.440.000	5.882.355.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**112.042.443.212**	**121.315.410.171**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.15**	**112.042.443.212**	**121.315.410.171**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		58.000.000.000	58.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.000.000.000	58.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		47.493.082.108	47.493.082.108
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.549.361.104	15.822.328.063
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		970.757.041	12.306.617.836
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.578.604.063	3.515.710.227
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**153.059.473.945**	**165.312.334.548**

Tây Ninh, ngày 24 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
NGUYỄN KIM THẢO	NGUYỄN KIM THẢO	VÕ QUỐC AN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	314.984.629.186	285.410.982.488
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	314.984.629.186	285.410.982.488
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	303.111.628.724	276.808.318.483
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	**20**		**11.873.000.462**	**8.602.664.005**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	7.039.743.814	8.686.244.051
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.250.166.291	2.156.290.267
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*957.586.611*	*2.156.290.267*
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	975.419.505	859.932.148
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.719.917.764	10.175.374.266
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	**30**		**5.967.240.716**	**4.097.311.375**
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.163.066.099	464.759.676
12. Chi phí khác	32	VI.8	104.727.461	7.609.975
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**1.058.338.638**	**457.149.701**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**7.025.579.354**	**4.554.461.076**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.446.975.291	1.038.750.849
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 -52)	**60**		**5.578.604.063**	**3.515.710.227**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.11**	**876**	**546**
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**		**876**	**546**

Tây Ninh, ngày 24 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
NGUYỄN KIM THẢO	NGUYỄN KIM THẢO	VÕ QUỐC AN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		289.514.437.252	265.035.085.495
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(215.867.272.594)	(206.669.381.733)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(29.744.449.796)	(26.372.934.091)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(957.586.611)	(1.851.352.444)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.064.856.001)	(2.250.234.421)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.723.036.330	26.130.723.786
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(22.411.241.364)	(41.700.402.806)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**25.192.067.216**	**12.321.503.786**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.918.486.715)	(711.089.291)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		227.322.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.000.000.000)	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		24.000.000.000	24.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.039.743.814	55.856.047
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**14.348.579.826**	**(6.655.233.244)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		143.970.000.000	109.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(154.350.915.000)	(97.176.470.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.859.970.200)	(6.450.074.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(23.240.885.200)**	**5.373.455.500**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	**50**		**16.299.761.842**	**11.039.726.042**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**20.600.166.080**	**9.560.440.038**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**		**36.899.927.922**	**20.600.166.080**

Tây Ninh, ngày 24 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
NGUYỄN KIM THẢO	NGUYỄN KIM THẢO	VÕ QUỐC AN